

Số : /PC3I-TC

**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA  
QUÝ 3/2019 SO VỚI QUÝ 3/2018**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (MCK: PIC, sàn giao dịch: HNX) xin giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3/2019 so với Quý 3/2018 và 9 tháng đầu năm 2019 so với 9 tháng đầu năm 2018 như sau:

**1. Báo cáo tài chính tổng hợp**

**a. Báo cáo tài chính quý 3/2019**

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3 năm 2019 : - 4.734.280.333 đồng

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3 năm 2018 : - 642.815.894 đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3/2019 giảm so với quý 3/2018 là 4.091.464.439 đồng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 3/2019 (1)	Quý 3/2018 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	12.557.708.302	17.036.069.444	(4.478.361.142)	73,71%
- <i>Doanh thu bán điện</i>	<i>12.557.708.302</i>	<i>17.036.069.444</i>	<i>(4.478.361.142)</i>	<i>73,71%</i>
2. Giá vốn hàng bán	10.542.360.363	11.488.959.154	(946.598.791)	91,76%
- <i>Chi phí bán điện</i>	<i>10.542.360.363</i>	<i>11.488.959.154</i>	<i>(946.598.791)</i>	<i>91,76%</i>
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	2.015.347.939	5.547.110.290	(3.531.762.351)	36,33%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	89.559.140	264.234.484	(174.675.344)	33,89%
5. Chi phí tài chính	4.308.493.582	4.370.167.526	(61.673.944)	98,59%
6. Chi phí bán hàng				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.428.601.660	1.874.073.193	554.528.467	129,59%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động K/doanh	(4.632.188.163)	(432.895.945)	(4.199.292.218)	-1.070,05%
9. Thu nhập khác	211.284.184	97.272.728	114.011.456	217,21%
10. Chi phí khác	211.284.184	18.822.079	192.462.105	1122,53%
11. Lợi nhuận khác		78.450.649	(78.450.649)	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.632.188.163)	(354.445.296)	(4.277.742.867)	-1.306,88%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	102.092.170	288.370.598	(186.278.428)	35,40%
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(4.734.280.333)</b>	<b>(642.815.894)</b>	<b>(4.091.464.439)</b>	<b>-736,49%</b>

b. Báo cáo tài chính lũy kế đến quý 3/2019:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế đến quý 3/2019 : 5.110.066.513 đồng

- Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế đến quý 3/2018 : 25.469.770.373 đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN 9 tháng đầu năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm 2018 là 20.359.703.860 đồng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Lũy kế đến quý 3/2019 (1)	Lũy kế đến quý 3/2018 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	58.738.613.353	77.663.599.915	(18.924.986.562)	75,63%
- Doanh thu bán điện	58.738.613.353	77.663.599.915	(18.924.986.562)	75,63%
2. Giá vốn hàng bán	32.893.062.269	33.711.530.292	(818.468.023)	97,57%
- Chi phí bán điện	32.893.062.269	33.711.530.292	(818.468.023)	97,57%
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	25.845.551.084	43.952.069.623	(18.106.518.539)	58,80%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	377.727.329	584.265.462	(206.538.133)	64,65%
5. Chi phí tài chính	13.295.042.902	12.697.594.826	597.448.076	104,71%
6. Chi phí bán hàng				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.817.787.108	4.866.276.416	1.951.510.692	140,10%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.110.448.403	26.972.463.843	(20.862.015.440)	22,65%
9. Thu nhập khác	4.289.162.658	101.451.428	4.187.711.230	4.227,80%
10. Chi phí khác	4.289.192.658	18.822.079	4.270.370.579	22.788,09%
11. Lợi nhuận khác	(30.000)	82.629.349	(82.659.349)	-0,04%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.110.418.403	27.055.093.192	(20.944.674.789)	22,59%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.000.351.890	1.585.322.819	(584.970.929)	63,10%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.110.066.513	25.469.770.373	(20.359.703.860)	20,06%

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2019 giảm so với 9 tháng đầu năm 2018 như sau:

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Hoạt động phát điện tại NMTĐ Đắk Pôn: Trong 9 tháng đầu năm 2019, thời tiết khô hạn, lượng mưa thấp hơn so với trung bình nhiều năm. Tổng sản lượng điện phát trong 9 tháng đầu năm 2019 là 32.786.538 kWh, đạt 90,85% sản lượng điện theo kế hoạch 9 tháng đầu năm 2019 và doanh thu là 37,663 tỷ đồng, đạt 98,85% so với kế hoạch 9 tháng đầu năm 2019. Tuy nhiên so với cùng kỳ năm 2018, lượng nước để phát điện thấp hơn nhiều, nên sản lượng điện chỉ đạt 67,54% và doanh thu đạt 72,57% so với cùng kỳ năm trước.

+ Hoạt động phát điện tại NMTĐ Đa Krông 1: Thời tiết trong 9 tháng đầu năm 2019 tại khu vực Tỉnh Quảng Trị khô hạn kéo dài rất bất thường, lượng nước sông Đa Krông không đủ để vận hành hết công suất 1 tổ máy. Tổng sản lượng điện phát trong 9 tháng đầu năm 2019 là 12.105.202 kWh, đạt 65,36% so với kế hoạch 9 tháng đầu năm 2019 và doanh thu là 18,586 tỷ đồng, đạt 67,59% so với kế hoạch 9 tháng đầu năm 2019. So với cùng kỳ năm ngoái, sản lượng điện chỉ đạt 67,54% và doanh thu bán điện chỉ đạt 72,15%.

Đánh giá tình hình sản xuất điện 9 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm 2018 của Công ty như sau:

STT	Nội dung	Doanh thu trước thuế (đồng)	Sản lượng điện (kwh)	Giá bán điện bình quân (đồng/kwh)
1	9 tháng đầu năm 2018	77.663.339.915	63.950.257	1.214,43
2	9 tháng đầu năm 2019	56.249.797.103	44.891.740	1.253,01
3	Chênh lệch (2-1)	-21.413.542.812	-19.058.517	38,58
4	Tỷ lệ phần trăm tăng (+)/giảm (-) so với cùng kỳ 2018	-27,57%	-29,80%	3,18%

*Ghi chú: Doanh thu trên đã bao gồm phần thuế tài nguyên nước và DVMTR, không bao gồm phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước.*

Sản lượng điện phát cho cả 2 nhà máy 9 tháng đầu năm đều giảm so với cùng kỳ năm trước, bên cạnh đó, đây là năm thứ 2 đưa vào vận hành NMTĐ Đa Krông 1 nên nợ gốc vay tín dụng của NMTĐ Đa Krông 1 còn nhiều, dẫn đến lãi vay phải trả chiếm chi phí đáng kể. Bên cạnh đó, trong năm 2019 Công ty thay đổi phương pháp khấu hao (từ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm sang phương pháp khấu hao theo đường thẳng) cũng là nguyên nhân tăng chi phí, dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2019 giảm 77,35% so với cùng kỳ năm ngoái.

- Hoạt động khác: Trong 9 tháng đầu năm 2019, Công ty có thực hiện thu hồi vật tư còn lại trong quá trình thi công NMTĐ Đa Krông 1 với số tiền là 4.289.162.658 đồng, nên thu nhập khác phát sinh tương ứng với chi phí khác. So với cùng kỳ năm ngoái, Công ty phát sinh lợi nhuận khác từ thanh lý TSCĐ, bán phế liệu với số tiền 82.629.349 đồng.

Từ những yếu tố trên làm lợi nhuận sau thuế TNDN 9 tháng đầu năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm 2018 là 20.359.703.860 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 79,94%.

## 2. Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty

### a. Báo cáo tài chính quý 3/2019

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3 năm 2019 : - 2.197.223.738 đồng

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3 năm 2018 : - 1.737.801.259 đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3 năm 2019 giảm so với quý 3 năm 2018 là 459.422.479 đồng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 3/2019 (1)	Quý 3/2018 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV				
2. Giá vốn hàng bán				
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV				
4. Doanh thu hoạt động tài chính	89.549.233	264.234.484	(174.685.251)	33,89%
5. Chi phí tài chính	1.598.428	81.480.000	(79.881.572)	1,96%
6. Chi phí bán hàng				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.183.082.373	1.710.635.794	472.446.579	127,62%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.095.131.568)	(1.527.881.310)	(567.250.258)	-137,13%
9. Thu nhập khác	211.284.184	97.272.728	114.011.456	217,21%
10. Chi phí khác	211.284.184	18.822.079	192.462.105	1.122,53%
11. Lợi nhuận khác		78.450.649	(78.450.649)	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.095.131.568)	(1.449.430.661)	(645.700.907)	-144,55%

CHỈ TIÊU	Quý 3/2019 (1)	Quý 3/2018 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Giá trị (1)-(2)
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	102.092.170	288.370.598	(186.278.428)	35,40%
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(2.197.223.738)</b>	<b>(1.737.801.259)</b>	<b>(459.422.479)</b>	<b>-126,44%</b>

b. Báo cáo tài chính lũy kế đến quý 3/2019

- Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế đến quý 3/2019 : - 6.591.846.071 đồng

- Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế đến quý 3/2018 : - 5.146.608.297 đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN 9 tháng đầu năm 2019 giảm so với 9 tháng đầu năm 2018 là 1.445.237.774 đồng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Lũy kế đến quý 3/2019 (1)	Lũy kế đến quý 3/2018 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV				
2. Giá vốn hàng bán				
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV				
4. Doanh thu hoạt động tài chính	377.717.157	584.265.462	(206.548.305)	64,65%
5. Chi phí tài chính	7.218.428	85.980.000	(78.761.572)	8,40%
6. Chi phí bán hàng				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.961.962.910	4.142.200.289	1.819.762.621	143,93%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	(5.591.464.181)	(3.643.914.827)	(1.947.549.354)	-153,45%
9. Thu nhập khác	4.289.162.658	101.451.428	4.187.711.230	4.227,80%
10. Chi phí khác	4.289.192.658	18.822.079	4.270.370.579	22.788,09%
11. Lợi nhuận khác	(30.000)	82.629.349	(82.659.349)	-0,04%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.591.494.181)	(3.561.285.478)	(2.030.208.703)	-157,01%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.000.351.890	1.585.322.819	(584.970.929)	63,10%
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(6.591.846.071)</b>	<b>(5.146.608.297)</b>	<b>(1.445.237.774)</b>	<b>-128,08%</b>

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 kính báo cáo và cam kết nội dung giải trình trên là đúng sự thật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT,TC, đăng web.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**